

TỜ TRÌNH

Về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công, theo các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Trên cơ sở nhu cầu thực tế phải đầu tư một số dự án mới để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 17 của Luật Đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình và các dự án đầu tư công nhóm B sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo thẩm quyền.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, có dự án cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung quy mô và tổng mức đầu tư nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng, điều chỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho cấp huyện tại Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công theo thẩm quyền.

II. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công:

Quyết định chủ trương đầu tư 01 chương trình và 06 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công với tổng mức đầu tư là **948.450** triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh là 666.597 triệu đồng, ngân sách huyện là 254.429 triệu đồng và nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 27.424 triệu đồng. Cụ thể:

1.1. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

1.1.1. Trường mầm non Phú Mỹ:

- Mục tiêu đầu tư: Việc cải tạo và xây dựng mới các hạng mục sẽ giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất cần thiết cho trường mầm non Phú Mỹ, thực hiện mục tiêu xây dựng trường mầm non Phú Mỹ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thị trấn Phú Mỹ nói riêng và huyện Phú Tân nói chung.

- Quy mô đầu tư:

+ Xây mới: 20 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật.

+ Cải tạo: 04 phòng học thành các phòng chức năng.

+ Trang thiết bị.

- Tổng mức đầu tư: 69.752 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 54.625 triệu đồng và ngân sách huyện là 15.127 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

1.1.2. Cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang:

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng Trường Cao đẳng y tế An Giang trở thành chất lượng cao, đào tạo cán bộ y tế có đủ kiến thức phát triển năng lực thực hành, chính trị chuyên môn, đồng thời phát triển kỹ năng tay nghề nhằm phục vụ cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Quy mô:

+ Cải tạo: Văn phòng Khoa - Khối phòng học - Thực hành; Khối Thư viện - Khối phòng học - Thực hành.

+ Xây mới: Khối 12 phòng thực hành và thiết bị.

- Tổng mức đầu tư: 52.995 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

1.1.3. Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025:

- Mục tiêu đầu tư: Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu nhằm đảm bảo sức khỏe và nhu cầu sử dụng cho học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh.

- Quy mô:

+ Nhà vệ sinh học sinh: Đầu tư mới 2.475 xí; cải tạo 1.562 xí;

+ Nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên và nhân viên: Đầu tư mới 331 xí; cải tạo 281 xí;

+ Công trình nước sạch: Đầu tư mới 514 công trình; cải tạo 26 công trình.

- Tổng mức đầu tư: 246.876 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 178.480 triệu đồng và ngân sách huyện là 40.972 triệu đồng; vốn huy động hợp pháp khác là 27.424 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

1.2. Lĩnh vực giao thông:

1.2.1. Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo – Ba Thê thuộc Đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn):

- Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch và kinh tế xã hội, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ giữa các địa phương.

- Quy mô:

+ Chiều dài tuyến đường: 15,00km.

+ Chiều rộng mặt đường: 8m

+ Chiều rộng nền đường: 9m

+ Kết cấu áo đường: Bê tông nhựa nóng.

- Tổng mức đầu tư: 104.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

1.2.2. Nâng cấp tuyến đường Nam Cần Thảo (từ Quốc lộ 91 đến rừng tràm Trà Sư, huyện Tịnh Biên):

- Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển trên tuyến, từng bước

hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị theo quy hoạch của huyện Châu Phú, kết nối mạng lưới giao thông giữa trung tâm hành chính huyện với các xã, thị trấn trong huyện và vùng lân cận, từng bước nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực.

- Quy mô:

+ Chiều dài tuyến đường: 20,60 km; Kết cấu mặt đường láng nhựa.

+ Bề rộng nền đường: 8,0m

+ Bề rộng mặt đường: 5,5m

+ Bề rộng lề đường: 1,25m x 2

+ Bao gồm: 05 cầu, 07 cống (kết cấu BTCT) và hệ thống an toàn giao thông, biển báo hiệu.

- Tổng mức đầu tư: 240.919 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 117.214 triệu đồng và ngân sách huyện là 123.705 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

1.2.3. Nâng cấp, mở rộng đường Bờ Đông liên xã:

- Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản ngày càng cao của người dân trong khu vực, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ trên tuyến.

- Quy mô:

- Chiều dài tuyến đường: 14,43km.

- Bề rộng mặt đường: 6,0m

- Bề rộng lề đường: 1,25m x 2

- Tổng mức đầu tư: 144.195 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 69.570 triệu đồng và ngân sách huyện là 74.625 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

1.3. Lĩnh vực công nghệ thông tin:

** Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang:*

- Mục tiêu đầu tư: Thực hiện tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung nhằm đảm bảo có mặt bằng sạch, tạo điều kiện thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ thông tin vào tỉnh, từ đó tạo việc làm, mời gọi nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh An Giang.

- Quy mô:

+ Tạo quỹ đất với diện tích khoảng 5,9 ha.

+ Đầu tư hạ tầng: San lấp mặt bằng, hàng rào.

- Tổng mức đầu tư: 89.713 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2023.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B:

Lĩnh vực thể dục, thể thao:

Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, tổng mức đầu tư là **48.401** triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là **38.670** triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là **9.731** triệu đồng. Cụ thể:

*** Nhà thi đấu huyện Tri Tôn:**

- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh nội dung đầu tư theo chủ trương tại Công văn số 5231/VPUBND-KGVX ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh dự án Nhà thi đấu huyện Tri Tôn.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Thay đổi giải pháp thiết kế móng khối nhà thi đấu; Nâng cao trình của khối nhà thi đấu, nhà để xe cán bộ nhân viên, San lấp mặt bằng, Sân đan, hệ thống thoát nước; Chưa thực hiện điều chỉnh đoạn hàng rào từ trục 15 đến trục 31 từ lưới B40 thành xây tường.

+ Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 39.823 triệu đồng thành 48.401 triệu đồng (tăng 8.578 triệu đồng) do tăng quy mô và thay đổi giải pháp thực hiện.

+ Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: năm 2019-2022.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công:

Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 04 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng mức đầu tư là **722.975** triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương là **362.213** triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là **235.643** triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là **125.119** triệu đồng. Cụ thể:

3.1. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

*** Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm:**

- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh gián lộ trình thực hiện theo Công văn số 4431/VPUBND-KGVX ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và phân kỳ đầu tư phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung điều chỉnh: Thời gian thực hiện điều chỉnh là chuẩn bị đầu tư năm 2021 và thực hiện dự án năm 2023-2026.

3.2. Lĩnh vực giao thông:

3.2.1. Đường đê kênh Hòa Bình:

* Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách địa phương.

* Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn ngân sách tỉnh từ 78.391 triệu đồng giảm còn 54.587 triệu đồng (70% chi phí xây dựng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND). Ngân sách huyện tăng từ 41.486 triệu đồng lên 65.290 triệu đồng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND.

- Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: năm 2021-2024.

3.2.2. *Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950):*

* Nguyên nhân điều chỉnh: Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông bộ và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến cũng như phát triển kinh tế xã hội của địa phương, do đó dự án có thay đổi phương án tuyến, tăng quy mô chiều dài tuyến và tăng tổng mức đầu tư theo Công văn số 3882/VPUBND-KTN ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh; đồng thời điều chỉnh chủ đầu tư theo Công văn số 1873/VPUBND-KTN ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

* Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh tên dự án: Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950).

- Điều chỉnh chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân.

- Quy mô điều chỉnh:

+ Chiều dài tuyến đường: 9,0km

+ Chiều rộng nền đường: 9m

+ Phần cầu: xây mới cầu Hòa Bình dài 101m

- Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 297.000 triệu đồng thành 362.213 triệu đồng (tăng 65.213 triệu đồng) do tăng quy mô.

- Điều chỉnh nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh sang ngân sách trung ương.

- Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: năm 2023-2026.

3.3. Lĩnh vực du lịch:

* *Trung tâm hội nghị thành phố Châu Đốc:*

- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách địa phương và điều chỉnh chủ đầu tư theo Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh chủ đầu tư từ UBND thành phố Châu Đốc sang Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực thành phố Châu Đốc theo Luật số 62/2020/QH14 ngày

17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

+ Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn ngân sách tỉnh từ 136.396 triệu đồng giảm còn 119.639 triệu đồng (100% chi phí xây dựng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND). Ngân sách huyện tăng từ 43.072 triệu đồng lên 59.829 triệu đồng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND.

+ Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: năm 2023-2026.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

III. VỀ THÔNG TIN MỖI DỰ ÁN BAO GỒM MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU SAU:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Phạm vi;
6. Quy mô đầu tư;
7. Tổng mức đầu tư;
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;
9. Tiến độ thực hiện;
10. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;
11. Cơ chế và giải pháp;
12. Chính sách thực hiện.

* *Tờ trình này thay thế Tờ trình số 631/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 01
ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Tờ trình số 691/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)					
1	TỔNG CỘNG						948.450	0	666.597	254.429	27.424	601.120	57.285	109.544	180.501					
A	CHƯƠNG TRÌNH						246.876	0	178.480	40.972	27.424	177.558	22.897	0	46.421					
1	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Tại các điểm trường trên địa bàn tỉnh An Giang.	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang		- Nhà vệ sinh học sinh: Đầu tư mới 2.475 xi; cải tạo 1.562 xi; - Nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên và nhân viên: Đầu tư mới 331 xi; cải tạo 281 xi; - Công trình nước sạch: Đầu tư mới 514 công trình; cải tạo 26 công trình.	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu nhằm đảm bảo sức khỏe và nhu cầu sử dụng cho học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh.	246.876		178.480	40.972	27.424	177.558	22.897		46.421	2023-2026	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 126.700 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2026 là 33.932 triệu đồng do tiết kiệm 10% THĐT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng mới, ngân sách huyện và vốn huy động thực hiện cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh, công trình nước sạch	Luật Đầu tư công
B	DỰ ÁN NHÓM B						701.574	0	488.117	213.457	0	423.562	34.388	109.544	134.080					
1	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						122.747	0	107.620	15.127	0	62.579	34.388	0	25.780					
1	Trường mầm non Phú Mỹ	Phú Tân	BQLDA ĐTXD Khu vực huyện Phú Tân	Xây dựng mới + Cải tạo	Xây mới: 20 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, HTKT Cải tạo: 04 phòng học thành phòng chức năng Trang thiết bị	Việc cải tạo và xây dựng mới các hạng mục sẽ giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất cần thiết cho trường mầm non Phú Mỹ, thực hiện mục tiêu xây dựng trường mầm non Phú Mỹ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thị trấn Phú Mỹ nói riêng và huyện Phú Tân nói chung.	69.752		54.625	15.127		47.475	7.150		15.127	2023-2026	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 33.327 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2026 là 15.836 triệu đồng do tiết kiệm 10% THĐT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và thiết bị	Luật Đầu tư công

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
2	Cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực PTĐT An Giang		Xây mới khối 12 phòng thực hành và thiết bị; Cải thiện phòng khoa-khoảnh phòng học-thực hành, khối thư viện-khoảnh phòng học-thực hành	Xây dựng Trường Cao đẳng y tế An Giang trở thành chất lượng cao, đào tạo cán bộ y tế có đủ kiến thức phát triển năng lực thực hành, chính trị chuyên môn, đồng thời phát triển kỹ năng tay nghề nhằm phục vụ cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân	52.995		52.995			15.104	27.238		10.653	2022-2025	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 NST bố trí 47.696 triệu đồng do tiết kiệm 10% THDT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh 100%	Luật Đầu tư công	
II CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							578.827	0	380.497	198.330	0	360.983	0	109.544	108.300						
II.1 GIAO THÔNG							489.114	0	290.784	198.330	0	340.464	0	50.125	98.525						
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc Đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vằn)	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN	Nâng cấp, cải tạo	15,00km, mặt đường 8m, nền đường 9m	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch và kinh tế xã hội, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ giữa các địa phương	104.000		104.000			73.630		12.000	18.370	2022-2025	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 NST bố trí 93.600 triệu đồng do tiết kiệm 10% THDT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh 100%	Luật Đầu tư công	
2	Nâng cấp tuyến đường Nam Cấn Thảo (từ Quốc lộ 91 đến rùng tràm Trà Sư, huyện Tịnh Biên)	Châu Phú	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Phú	Nâng cấp, cải tạo	20,60 km. Bao gồm: 05 cầu, 07 công (kết cấu BTCT) và hệ thống an toàn giao thông, biển báo hiệu	Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển trên tuyến, từng bước hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị theo quy hoạch của huyện Châu Phú, kết nối mạng lưới giao thông giữa trung tâm hành chính huyện với các xã, thị trấn trong huyện và vùng lân cận, từng bước nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực	240.919		117.214	123.705		167.448		25.289	48.182	2023-2026	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 60.000 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2026 là 45.493 triệu đồng do tiết kiệm 10% THDT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí xây dựng	Luật Đầu tư công	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Bờ Đông liên xã	An Phú	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng khu vực huyện An Phú	Nâng cấp, mở rộng	14,43km	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản ngày càng cao của người dân trong khu vực, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ trên tuyến	144.195		69.570	74.625		99.386		12.836	31.973	2023-2026	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 32.100 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2026 là 30.513 triệu đồng do tiết kiệm 10% THDT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí xây dựng	Luật Đầu tư công	
II.2 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							89.713	0	89.713	0	0	20.519	0	59.419	9.775						
1	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Long Xuyên	BQLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng	Tạo quỹ đất khoảng 5,9ha; Đầu tư hạ tầng: san lấp mặt bằng, hàng rào	Thực hiện tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung nhằm đảm bảo có mặt bằng sạch, tạo điều kiện thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ thông tin vào tỉnh, từ đó tạo việc làm, mời gọi nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh An Giang.	89.713		89.713			20.519		59.419	9.775	2021-2023	3 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 65.758 triệu đồng theo nhu cầu thực hiện của chủ đầu tư	Ngân sách tỉnh 100%	Luật Đầu tư công	

PHỤ LỤC 02

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NHÓM C THÀNH DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Tờ trình số 691 /TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư														
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí						Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí					
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)				
																													Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp
TỔNG CỘNG					39.823	0	30.579	9.244	0	30.579	0	9.244	0				48.401	0	38.670	9.731	0	38.670	1.492	1.350	6.889							
1	THỂ DỤC, THỂ THAO				39.823	0	30.579	9.244	0	30.579	0	9.244	0				48.401	0	38.670	9.731	0	38.670	1.492	1.350	6.889							
1	Nhà thi đấu huyện Tri Tôn	Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND 08/12/2017	Diện tích đất 10.300m ²	Nhằm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho các vận động viên có sân tập để thường xuyên tập luyện, giao lưu các môn thể thao giữa các vận động viên trên địa bàn huyện Tri Tôn và các khu vực lân cận, qua đó tuyển chọn các vận động viên có năng khiếu về thể dục thể thao để đào tạo sâu và chuyển môn trở thành vận động viên tiêu biểu tham gia thi đấu thể thao thành tích cao, đồng thời là nơi tổ chức thi đấu thể dục thể thao của huyện Tri Tôn nói riêng và toàn tỉnh nói chung.	39.823		30.579	9.244		30.579		9.244	2017-2020	03 năm	Diện tích đất 10.300m ²	Nhằm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho các vận động viên có sân tập để thường xuyên tập luyện, giao lưu các môn thể thao giữa các vận động viên trên địa bàn huyện Tri Tôn và các khu vực lân cận, qua đó tuyển chọn các vận động viên có năng khiếu về thể dục thể thao để đào tạo sâu và chuyển môn trở thành vận động viên tiêu biểu tham gia thi đấu thể thao thành tích cao, đồng thời là nơi tổ chức thi đấu thể dục thể thao của huyện Tri Tôn nói riêng và toàn tỉnh nói chung.	48.401		38.670	9.731		38.670	1.492	1.350	6.889	2019 - 2022	4 năm	Giai đoạn 2016-2020 ngân sách tỉnh bố trí 7.000 triệu đồng, đoạn 2021-2025 bố trí 28.547 triệu đồng theo quy định tại NQ89 và dự kiến giá trị khối lượng hoàn thành	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí xây dựng	Luật Đầu tư công

PHỤ LỤC 03
ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Tờ trình số 691 /TTR-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh và chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt											Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư											DVT: Triệu đồng					
							Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí					Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						
TỔNG CỘNG							657.762	0	573.204	84.558	0	153.580	24.983	8.535	53.787				722.975	362.213	235.643	125.119	0	467.728	25.392	87.388	142.467							
I	GIAO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIAO DỤC NGHỀ						61.417	0	61.417	0	0	33.941	8.226	8.535	10.715			61.417	0	61.417	0	0	33.941	8.226	8.535	10.715								
1	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD và KVP/TĐT tỉnh	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HTHT, HCQT, Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417			33.941	8.226	8.535	10.715	2021-2024	04 năm	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HTHT, HCQT, Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417			33.941	8.226	8.535	10.715	2023-2026	04 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 27.638 triệu đồng do tiết kiệm 10% THĐT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh 100%	Luật Đầu tư công	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						596.345	0	511.787	84.558	0	119.639	16.757	0	43.072			661.558	362.213	174.226	125.119	0	433.787	17.166	78.853	131.752								
II.1	GIAO THÔNG						416.877	0	375.391	41.486	0	0	0	0	0			482.090	362.213	54.587	65.290	0	314.148	409	78.853	88.680								
1	Đường đê kênh Hòa Bình	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	1.220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.	119.877		78.391	41.486						2020-2024	04 năm	1.220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.	119.877		54.587	65.290		77.982	409	20.000	21.486	2021-2024	04 năm	Giai đoạn 2021-2023 ngân sách tỉnh bố trí 49.129 triệu đồng do tiết kiệm 10% THĐT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí xây dựng	Luật Đầu tư công	
2	Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950)	Phủ Tân	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phủ Tân	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Chiều dài tuyến 6km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	297.000		297.000						2021-2024	04 năm	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954	362.213		362.213			236.166	58.853	67.194		2023-2026	04 năm	Giai đoạn 2021-2025 NSTW bố trí 267.300 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2026 là 38.692 triệu đồng do tiết kiệm 10% THĐT theo quy định tại NQ89	Ngân sách Trung ương 100%	Luật Đầu tư công		
II.2	DU LỊCH						179.468	0	136.396	43.072	0	119.639	16.757	0	43.072			179.468	0	119.639	59.829	0	119.639	16.757	0	43.072								
1	Trung tâm hội nghị thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực thành phố Châu Đốc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	5.500m ²	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước về công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		136.396	43.072		119.639	16.757		43.072	2021-2024	4 năm	5.500m ²	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước về công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		119.639	59.829		119.639	16.757		43.072	2023-2026	4 năm	Giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh bố trí 70.000 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2026 là 37.675 triệu đồng do tiết kiệm 10% THĐT theo quy định tại NQ89	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí xây dựng	Luật Đầu tư công	

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 12 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 691/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công, như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 01 chương trình và 06 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công với tổng mức đầu tư là 948.450 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh là 666.597 triệu đồng, ngân sách huyện là 254.429 triệu đồng và nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 27.424 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 24/NQ-

HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư là 48.401 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 38.670 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là 9.731 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 04 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của Hội đồng nhân dân tỉnh với tổng mức đầu tư là 722.975 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương là 362.213 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 235.643 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là 125.119 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-Huy.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung

PHỤ LỤC 01

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	TỔNG CỘNG					948.450	0	666.597	254.429	27.424	601.120	57.285	109.544	180.501		
A	CHƯƠNG TRÌNH					246.876	0	178.480	40.972	27.424	177.558	22.897	0	46.421		
1	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025	Tại các điểm trường trên địa bàn tỉnh An Giang.	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	- Nhà vệ sinh học sinh: Đầu tư mới 2.475 xi; cải tạo 1.562 xi; - Nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên và nhân viên: Đầu tư mới 331 xi; cải tạo 281 xi; - Công trình nước sạch: Đầu tư mới 514 công trình; cải tạo 26 công trình.	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu nhằm đảm bảo sức khỏe và nhu cầu sử dụng cho học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh.	246.876		178.480	40.972	27.424	177.558	22.897		46.421	2023-2026	04 năm
B	DỰ ÁN NHÓM B					701.574	0	488.117	213.457	0	423.562	34.388	109.544	134.080		
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ ĐẠY NGHỀ					122.747	0	107.620	15.127	0	62.579	34.388	0	25.780		
1	Trường mầm non Phú Mỹ	Phú Tân	BQLDA ĐTXD Khu vực huyện Phú Tân	Xây mới: 20 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, HTKT Cải tạo: 04 phòng học thành phòng chức năng Trang thiết bị	Việc cải tạo và xây dựng mới các hạng mục sẽ giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất cần thiết cho trường mầm non Phú Mỹ, thực hiện mục tiêu xây dựng trường mầm non Phú Mỹ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thị trấn Phú Mỹ nói riêng và huyện Phú Tân nói chung.	69.752		54.625	15.127		47.475	7.150		15.127	2023-2026	04 năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực PTĐT An Giang	Xây mới khối 12 phòng thực hành và thiết bị; Cải thiện phòng khoa-khối phòng học-thực hành, khối thư viện-khối phòng học-thực hành	Xây dựng Trường Cao đẳng y tế An Giang trở thành chất lượng cao, đào tạo cán bộ y tế có đủ kiến thức phát triển năng lực thực hành, chính trị chuyên môn, đồng thời phát triển kỹ năng tay nghề nhằm phục vụ cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân	52.995		52.995			15.104	27.238		10.653	2022-2025	04 năm
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					578.827	0	380.497	198.330	0	360.983	0	109.544	108.300		
II.1	GIAO THÔNG					489.114	0	290.784	198.330	0	340.464	0	50.125	98.525		
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc Đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vằn)	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN	15,00km, mặt đường 8m, nền đường 9m	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch và kinh tế xã hội, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ giữa các địa phương	104.000		104.000			73.630		12.000	18.370	2022-2025	04 năm
2	Nâng cấp tuyến đường Nam Cẩn Thảo (từ Quốc lộ 91 đến rừng tràm Trà Sư, huyện Tịnh Biên)	Châu Phú	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Phú	20,60 km. Bao gồm: 05 cầu, 07 cống (kết cấu BTCT) và hệ thống an toàn giao thông, biển báo hiệu	Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển trên tuyến, từng bước hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị theo quy hoạch của huyện Châu Phú, kết nối mạng lưới giao thông giữa trung tâm hành chính huyện với các xã, thị trấn trong huyện và vùng lân cận, từng bước nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực	240.919		117.214	123.705		167.448		25.289	48.182	2023-2026	04 năm
3	Nâng cấp, mở rộng đường Bờ Đờng liên xã	An Phú	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng khu vực huyện An Phú	14,43km	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản ngày càng cao của người dân trong khu vực, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ trên tuyến	144.195		69.570	74.625		99.386		12.836	31.973	2023-2026	4 năm
II.2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					89.713	0	89.713	0	0	20.519	0	59.419	9.775		

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Long Xuyên	BQLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Tạo quỹ đất khoảng 5,9ha; Đầu tư hạ tầng: san lấp mặt bằng, hàng rào	Thực hiện tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung nhằm đảm bảo có mặt bằng sạch, tạo điều kiện thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ thông tin vào tỉnh, từ đó tạo việc làm, mời gọi nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh An Giang.	89.713		89.713			20.519		59.419	9.775	2021-2023	03 năm

PHỤ LỤC 03

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư													
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện		
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)			
																														9	10
TỔNG CỘNG								657.762	0	573.204	84.558	0	153.580	24.983	8.535	53.787			722.975	362.213	235.643	125.119	0	467.728	25.392	87.388	142.467				
I GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP								61.417	0	61.417	0	0	33.941	8.226	8.535	10.715			61.417	0	61.417	0	0	33.941	8.226	8.535	10.715				
1	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD và KVPĐT T tỉnh	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HHTT, HCQT; Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417				33.941	8.226	8.535	10.715	2021-2024	04 năm	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HHTT, HCQT; Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417				33.941	8.226	8.535	10.715	2023-2026
II CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ								596.345	0	511.787	84.558	0	119.639	16.757	0	43.072			661.558	362.213	174.226	125.119	0	433.787	17.166	78.853	131.752				
II.1 GIAO THÔNG								416.877	0	375.391	41.486	0	0	0	0	0			482.090	362.213	54.587	65.290	0	314.148	409	78.853	88.680				
1	Đường đi kênh Hòa Bình	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	1.220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.	119.877		78.391	41.486							2020-2024	04 năm	1.220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.	119.877		54.587	65.290		77.982	409	20.000	21.486	2021-2024	
2	Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950)	Phủ Tân	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Chiều dài tuyến 6km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	297.000		297.000								2021-2024	04 năm	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	362.213	362.213		236.166		58.853	67.194	2023-2026			

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư															
								Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí						Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí						Thời gian thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				
II.2	DU LỊCH						179.468	0	136.396	43.072	0	119.639	16.757	0	43.072			179.468	0	119.639	59.829	0	119.639	16.757	0	43.072							
1	Trung tâm hội nghị thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực thành phố Châu Đốc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	5.500m ²	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước về công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		136.396	43.072		119.639	16.757		43.072	2021-2024	4 năm	5.500m ²															